đề nghị lập HS
xem - 10/23/89

Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 9 năm 1989

Kính Gửi: Bà Hội Trưởng
Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam
PO BOX 5435 ARLINGTON ,VA. 2220560635

Kính thưa Bà

Tôi là Trần Đức Vận, sinh năm 1937 tại Thái Bình, quê quán Hải Phòng, hiện cư ngụ tại 222/19 đường Đoàn Văn Bơ Phường 10 quận 4 Thành Phố Hồ Chí Minh, trân trọng xin bà giúp đỡ để cho tôi và gia đình được sang Hoa Kỳ sinh sống

Nguyên tôi là Thiếu Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, số quân 57/190269. Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi phục vụ tại Bộ chỉ huy tiểu khu Kiến Phong với chức vụ Tham Mưu Phó Chiến tranh chính trị tiểu khu. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 tôi phải đi học tập cải tạo từ ngày 14 tháng 6 năm 1975 đến ngày 5 tháng 11 năm 1983. Sau khi được thả về tôi ở nhờ tại nhà dượng tôi ~~số 92c đường Bùi~~ thị Xuân Quận 1 Thành Phố Hồ Chí Minh và bị quản chế 12 tháng. Sau đó tôi về cư ngụ nhờ nhà bà con tại 204/53 Lê Quốc Hưng Phường 12 Quận 4 Thành Phố Hồ chí Minh và đã thiết lập hồ sơ xin được tái định cư tại Hoa Kỳ. Hồ sơ gởi tới ORDERLY DEPARTURE PROGRAM 127 PANJABHUM BUILDING SATHORN TAIROAD BANGKOK 10120 THAILAND ngày 10 tháng 9 năm 1984. Từ ngày đó đến nay tôi không nhận được kết quả gì về việc tôi xin tái định cư tại Hoa Kỳ ngoài một tờ giấy Báo báo (đính kèm).

Hiện nay gia đình tôi gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống và cả gia đình sống trong sự túng thiếu không công ăn việc làm ổn định. Mong bà và quý Hội vì lòng nhân đạo giúp đỡ, can thiệp với chính phủ Hoa Kỳ cho tôi và gia đình tôi được tái định cư tại Hoa Kỳ. Nếu được Bà và Quý Hội giúp đỡ xin Bà cho tôi được biết kết quả về:

Trần Đức Vận
222/19 Đoàn Văn Bơ Phường 10 Quận 4
Thành Phố Hồ chí Minh

Tôi và Gia đình tôi rất trông chờ sự giúp đỡ của Bà Hội Trưởng và Quý Hội.

Xin Bà nhận nơi đây lòng kính trọng và biết ơn của tôi và gia đình

HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON ,VA. 22205-0635

INTAKE FORM (Two Copies)

MAU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (Ten Tu-nhan) : TRẦN / Last (Ten Ho) — ĐỨC / Middle (Giua) — VĂN / First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH (Nam, noi sinh) : 6 / Month (Tháng) — 24 / Day (Ngày) — 1937 / Year (Năm)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh) : Single (Độc thân): ______ Married (Có lập gia đình): X

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tại Viet Nam) : 222/19 Đoàn Văn Bơ Phường 10 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không ): Yes (Có) X

If Yes (Nếu có) : From (Từ): 14-6-1975 To (Đến): 5-11-1983

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP (Trại tù) : Long Giao-Tân Hiệp- Trại 3 Yên Bái-Vĩnh Quang-Xuân Lộc Trại 8 Hoàng Liên Sơn

PROFESSION (Nghề Nghiệp): HỚT TÓC

EDUCATION IN U.S (Du học tại Mỹ): ______________________

VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc) : Thiếu Tá

VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ) Tham mưu phó chiến tranh chính trị tiểu khu Kiến Phong Date (Năm): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): X

IV Number (Số hồ sơ): ________

No (không): ________

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 6

(Tên thân nhân tháp tung) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): 222/19 Đoàn văn Bơ Phường 10 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay nguoi Bảo trợ):

______________________

______________________

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa Ky): Yes (Co): ________ No (Khong): ________

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): ______________________

NAME SIGNATURE: ______________________

ADDRESS - TELEPHONE OF INFORMANT

(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện Thoại của người điền đơn này): ______________________

TRẦN ĐỨC VĂN 222/19 Đoàn văn Bơ Phường 10 Quận 4 Thành Phố Hồ chí Minh Việt Nam [signature]

DATE: Month (Tháng) 9 — Day (Ngày) 27 th — Year (Năm) 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : 6
(Listed on Page I)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG | 1946 | Vợ |
| TRẦN ĐỨC TUẤN | 1965 | Con Trai |
| TRẦN THỊ DIỄM | 1967 | Con Gái |
| TRẦN ĐỨC TÚ | 1970 | Con Trai |
| TRẦN THỦY TIÊN | 1973 | Con Gái |
| TRẦN VĂN BÌNH | 9/2/1988 | Cháu |

DEPENDENT'S ADDRESS (if different From Above)

6. ADDITIONAL INFORMATION:

-Photocopy giấy ra trại
-Photocopy hộ khẩu thường trú

BỘ NỘI VỤ
Trại ~~Xuân Lộc~~
Số 903 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập — Tự do — Hạnh phúc*

Mẫu số 001-QLTG ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

| 0 | 0 | I | 6 | 7 | / | 0 | 0 | C | 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SIISLD

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỆN
2547
Ng 22 - 5 - 84
PHÒNG ...

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 99/QĐ ngày 24 tháng 10 năm 1983

của BO NOI VU

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TRẦN ĐỨC VẬN Sinh năm 1937

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hải phòng

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị tù
92C Đường bùi thị xuân. Quận I. TP/ HO CHI MINH

Can tội: Thiếu tá tham mưu phó chiến tranh chính trị

Bị bắt ngày I4/06/1975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 92C Đường bùi thị xuân. Quận I. TP/ HO CHI MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: I2 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày I2 tháng II năm 19 83

Lăn tay ngón trỏ phải
Của Trần đức Vận
Danh bản số
Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Trần đức vận

Ngày 05 tháng II năm 19 83
Giám thị

Thượng tá: Trịnh văn Thích

XÁC NHẬN:

Đ/c vô trình diện CA P12 Q1

K/c. Đội QLNHK Quận 1

& TP Hồ Chí Minh nghiên cứu & giải quyết.

Ngày 08.11.1983.

P. TRƯỞNG CÔNG AN P12 Q1

CỘNG HÒA ...
République ...
de la République Việt Nam

BƯU CHÍNH
Service des Postes

# GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception

Trả tiền
Payment

... Tem
Timbre du bureau
renvoyant ...

(3) Địa chỉ: Trần Tử Văn
Adresse: 2a4/53 Lê Quốc Hưng Q.4
ở (4) Hồ Chí Minh city nước (Pays) Vietnam

(1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
*Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »*
và dán là nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion ».
*et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».*

(2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Biffer ce qui ne convient pas*).

Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
*À remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.*

... đến bưu cục
*... au bureau de poste de*
ngày ........ 23/10/82 ........ số 547
*le* ........ *19* ........ *sous le n°*

địa chỉ người nhận ........
*Adresse du destinataire* ........

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.
*Le soussigné déclare que l'objet mentionné ci-dessus a été dûment livré*
ngày ........
*le*

| Chữ ký người nhận<br>*Signature du destinataire (1)* | Chữ ký nhân viên<br>Bưu cục nhận<br>*Signature de l'agent du bureau destinataire* | Nhật ấn bưu cục nhận<br>*Timbre du bureau destinataire* |
|---|---|---|
| 20 NOV 198[illegible] | | |

GHI CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

## THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

| | |
|---|---|
| Chứng nhận đã chuyển đến ở: 228/19 Đoàn Văn Bơ F10 Q4<br>Từ ngày 25 tháng 02 năm 1987<br>Ký tên, đóng dấu<br>NGUYỄN ... THẬT | Chứng nhận đã chuyển đến ở: ..........<br>..........<br>Từ ngày ..... tháng ..... năm ........<br>Ký tên, đóng dấu |
| Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....<br>..........<br>Từ ngày ..... tháng ..... năm .......<br>Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở: ..........<br>..........<br>Từ ngày ..... tháng ..... năm ........<br>Ký tên, đóng dấu |

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

| | |
|---|---|
| | |
| | |

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ
### THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 426642 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Thu Hương

Ấp, ngõ, số nhà: 204/157

Thị trấn, đường phố: Lê Quốc Hưng

Xã, phường: Mười Hai

Huyện, quận: Bốn

Ngày 10 tháng 01 năm 1985

Trưởng công an: Quận 4

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN ... THẬT

Số NK 3: ........ .....

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên cán bộ ĐKNK |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 01 | Nguyễn Thị Thu Hường | Chủ hộ | nữ | 1948 | 020543066 | | 10.01.1985 | | |
| 02 | Trần Đức Tuấn | con | nam | 1965 | 021601249 | | 10.01.1985 | TNKP 7/8/85 | C0 NK7 |
| 03 | Trần Thị Diễm | con | nữ | 1967 | 022283665 | | 10.01.1985 | | |
| 04 | Trần Đức Tú | con | nam | 1970 | 022283638 | | 10.01.1985 | | |
| 05 | Trần Thụy Tiên | con | nữ | 1972 | 022702363 | | [illegible] | | |
| | Trần Đức Hùng | con | Nam | 1953 | 022283731 | | [illegible] 1988 | | |
| 07 | Trần Thị [illegible] | [illegible] | [illegible] | 1937 | 022490177 | | [illegible] | | |
| 8 | Trần Văn Bình | cháu | nam | 9/2/1988 | | | 10-4-88 | | |
| 9 | Trần Kim Lài | em | Nữ | 1952 | 022640185 | | 28.07.88 | | |
| 10 | Hồ Đình Huy | cháu | Nam | 1988 | | | 28.07.88 | | |
| | | | | | | | | | |

Panama City, Oct 15, 89

Kính gởi Bà Khúc Minh Thơ
Chủ tịch Hội gia đình tù nhân chính trị VN,

Thưa Bà,

Chúng tôi nhận được đơn của 1 người bạn là cựu sĩ quan QLVNCH cũ, sau khi đi tù hơn 8 năm dưới chế độ Cộng Sản, đã làm đơn xin đi Hoa Kỳ, nhưng vẫn chưa biết kết quả ra sao, vậy kính xin Bà
(1) vui lòng giúp đỡ cho ông ấy biết hồ sơ đã được nhận chưa và số IV là bao nhiêu hoặc có thể sẽ được được cấp LOI theo quyết định mở ~~Vào~~ cái tù nhân chính trị VN của Chính Phủ Hoa Kỳ trong năm tới thế nào, xin Bà cho chúng tôi biết để chúng tôi tìm cách báo tin cho ông ấy biết.

Kèm theo đây là Đơn của cựu sĩ quan TRẦN-
(2) ĐỨC VÂN gởi đến ~~Hội~~ TNCTVN, kính xin Bà giúp đỡ. Nếu Bà cần ông ấy gởi thêm giấy tờ gì, xin Bà cho chúng tôi biết. Xin chân thành Cảm ơn Bà Chủ tịch.

Tb. Riêng chúng tôi cũng là cựu SQ/QLVNCH mới viết biên sang đây.

Kính thư.
NGUYEN THANH DINH
Dinhnguyen

Địa Chỉ của chúng tôi
NGUYEN THANH DINH

Panama City, Jan 29. 1990

Kính gởi Bà Khúc Minh Thơ,
Chủ Tịch Hội TNCT VN.

Chúng tôi xin gởi đến Hội Hồ sơ bảo lảnh cho gia đình ông TRẦN ĐỨC VĂN là cựu Sĩ quan QLVNCH, hiện là tù cải tạo VN xin tị nạn tại Hoa kỳ.

Kính xin Quý Hội can thiệp các thủ tục kế tiếp và cho chúng tôi biết kết quả nếu có thể được để chúng tôi thông báo cho đương sự. Đây là hồ sơ đầu tiên, ông ấy chưa được cấp số IV, và chúng tôi cũng đã chuyển 1 hồ sơ đến cơ quan ODP cùng ngày.

Kính chào Quý Hội.

Đinh NGUYEN

NGUYEN THANH DINH

FEB 0 1 1991

FIRST CLASS

TO: FAMILIES OF VIETNAM
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435 ARLINGTON,
VA. 22205

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: ____________
VEWL.#: ____________
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: ____________

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TRẦN (Last) ĐỨC (Middle) VẬN (First)

Current Address: 222/19 Đoàn văn Bơ Phường 10 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh

Date of Birth: 24-6-1937 Place of Birth: Thái Bình Quê quán Hải Phòng

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) Thiếu Tá tham mưu Phó Chiến Tranh Chính Trị Tiểu Khu Kiến Phong

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 14-6-1975 To 5-11-1983

Years: 8 Months: 4 Days: 20

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THANH DINH
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
| --- | --- |
| | |
| | |
| | |
| | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 01/30/90

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ______________________
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| Nguyễn thị Thu Hường | 1946. | Vợ |
| Trần Đức Trấn | 1965 | Con gái |
| Trần thị Diễm | 1967 | Con gái |
| Trần Đức Trí | 1970 | Con gái |
| Trần Thụy Tiên | 1973 | Con gái |
| Trần văn Bình | 1988 | Cháu |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

______________________

______________________

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HỘI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-063

**INTAKE FORM** (Two Copies)
**MAU DON VE LY-LICH**
***********

NAME (Ten Tu-nhan) : TRẦN ĐỨC VÂN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 6 24 1937
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): ______

MARITAL STATUS Single (Doc than): ____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 222/19 Đoàn - văn - Bơ - Phường 10 - Quận 4
(Dia chi tai Viet-Nam) Thành phố Hồ chí Minh South Việt Nam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) ___

If Yes (Neu co): From (Tu): 14-6-1975 To (Den): 5-11-83

PLACE OF RE-EDUCATION: Long Giao - Tân Hiệp - Yên Bái - Hoàng Liên Sơn - Vĩnh Quang - Xuân Lộc
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Hớt tóc

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): ______
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu Tá
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Tham mưu Phó Chiến tranh
Chính trị tiểu khu Kiến Phong ______ Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): ______
No (Khong): ______

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 222/19 Đoàn văn Bơ Phường 10
Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN THANH DINH, 5208 LEE DRIVE, PANAMA CITY,
FL 32404

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ______ No (Khong): ✓

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND

NAME & SIGNATURE: NGUYEN THANH DINH,
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) ______
Dinhnguyen

DATE: 01 30 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ______________________________
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| Nguyễn thị Thu Hương | 1946 | Vợ |
| Trần Đức Tuấn | 1965 | Con gái |
| Trần thị Diễm | 1967 | Con gái |
| Trần Đức Trí | 1970 | Con gái |
| Trần Thủy Tiên | 1973 | con gái |
| Trần văn Bình | 1988 | Cháu |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

______________________________

______________________________

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại ~~Xuân Lộc~~
Số 903 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập — Tự do — Hạnh phúc*

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

| 0 | 0 | 1 | 6 | 7 | 7 | 0 | 0 | 2 | C | 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SHSLD

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỆN
2547
Ngày 22 5
PHÒNG

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 09/QĐ ngày 24 tháng 10 năm 1983

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TRẦN ĐỨC VẬN Sinh năm 1937

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hải phòng

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt
92C Đường bùi thị xuân. Quận I. TP/ HO CHI MINH

Can tội: Thiếu tá tham mưu phó chiến tranh chính trị

Bị bắt ngày I4/06/I975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 92C Đường bùi thị xuân. Quận I. TP/ HO CHI MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày I2 tháng II năm 1983

Ngày 05 tháng II năm 1983
Giám thị

Lăn tay ngón trỏ phải
Của Trần đức Vận
Danh bản số
Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Trần đức vận

Thượng tá: Trịnh văn Thích

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: [illegible]

Họ tên ..... TRẦN ĐỨC VẬN .....

Sinh ngày ... 2[illegible]-1937

Nguyên quán Hồng Bàng,
..... Hải Phòng.

Nơi thường trú 222/19 Đoàn Văn Bơ, P10 Q4 - Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo : Phật

| | | |
|---|---|---|
| | NGÓN TRỎ TRÁI | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH<br>Sẹo cham 0,5cm trên<br>sau đầu mày trái |
| | NGÓN TRỎ PHẢI | Ngày [illegible] tháng 02 năm 19[illegible]<br>KT/GIÁM ĐỐC [illegible] TRƯỞNG TY CÔNG AN<br>Thanh<br>Vũ Viết Thanh |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số 020543066

Họ tên NGUYỄN THỊ THU-HƯỜNG

Sinh ngày 24-9-1946

Nguyên quán Bình Thành, Đình Hòa, Phú Khánh.

Nơi thường trú 204/34 Lê Quốc-Hưng, TP Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi cách 3,5cm trên sau mépphải.

Ngày 08 tháng 12 năm 1978

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Tạm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 024601249

Họ tên: TRẦN ĐỨC TUẤN

Sinh ngày: 22-10-1965.

Nguyên quán: Ninh Hòa,
Phú Khánh.

Nơi thường trú: 204/34 Lê Quốc-Hưng, Q4, TP, Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

| | | |
|---|---|---|
| | NGÓN TRỎ TRÁI | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH<br>Sẹo thẳng 1,5cm c.2,5 cm trên trước mồi mày trái |
| | NGÓN TRỎ PHẢI | Ngày 17 tháng 01 năm 1980<br>[illegible] GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN<br>PHÓ [illegible] CÔNG AN QUẬN 4 |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số 022282665

Họ tên TRẦN THỊ DIỄM

Sinh ngày 30-04-1967

Nguyên quán
Hải Phòng

Nơi thường trú 204/53 Lê Quốc Hưng Q4 TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: kinh Tôn giáo: phật

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 2 cm dưới trước đuôi mày trái.

Ngày 12 tháng 01 năm 1987

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lê Thanh Vân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 022288686

Họ tên: TRẦN ĐỨC TÚ

Sinh ngày: 28-12-1970

Nguyên quán: Hải Phòng

Nơi thường trú: 204/53 Lê Quốc Hưng Q4 TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: kinh Tôn giáo : phật

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 2 cm dưới sau đuôi mắt trái.

Ngày 12 tháng 01 năm 1987

K/T GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lê Thanh Vân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số [illegible]

Họ tên TRẦN THỦY TIÊN

Sinh ngày 21-7-1973

Nguyên quán Hồng Bàng, Hải Phòng.

Nơi thường trú 222/19 Đoàn-VănBơ, P10Q4TP.HồChíMinh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Seo cham C2cm dưới
sau mép phải.

Ngày 16 tháng 5 năm 1989

~~KT~~/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lâm Văn Thê

## THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

| | |
|---|---|
| Chứng nhận đã chuyển đến ở: 208/19 Đoàn Văn Bơ F10/Q4<br>Từ ngày 05 tháng 02 năm 1987<br>Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở: ..........<br>..........<br>Từ ngày ..... tháng ..... năm ........<br>Ký tên, đóng dấu |
| Chứng nhận đã chuyển đến ở: ..........<br>..........<br>Từ ngày .... tháng ..... năm ........<br>Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở: ..........<br>..........<br>Từ ngày ..... tháng ..... năm ........<br>Ký tên, đóng dấu |

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

| | |
|---|---|
| | |
| | |

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

## HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 426642 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Thu Hương

Ấp, ngõ, số nhà: 204/15

Thị trấn, đường phố: Lê Quốc Hưng

Xã, phường: Mười Hai

Huyện, quận: Bốn

Ngày 10 tháng 07 năm 1985

Trưởng công an: Quận 4

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3: ..........

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên cán bộ ĐKNK |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 01 | Nguyễn Thị Thu Hương | Chủ hộ | nữ | 194[illegible] | 0220[illegible] | | 10.01.1985 | | |
| 02 | Trần Đức Quí[illegible] | Con | nam | 19[illegible] | 0216[illegible] | | 10.01.1985 | ANKP [illegible] | NK7 |
| 03 | Trần Thị Diễm | con | nữ | 1967 | 022283665 | | 10.01.1985 | | |
| 04 | Trần Đức Phú | con | nam | 197[illegible] | 022283686 | | 10.01.1985 | | [illegible] |
| 05 | Trần Thùy Điền | con | nữ | 1973 | 0227[illegible]363 | | 10.01.1985 | | |
| | Trần Đức Hùng | em | Nam | 1953 | 022283731 | | 2.3.1986 | | |
| 07 | Trần [illegible] | cháu | [illegible] | [illegible] | 022490[illegible] | | [illegible] | | [illegible] |
| 8 | Trần Văn Bình | cháu | nam | 9/2/19[illegible] | | | 1[illegible].88 | | [illegible] |
| 9 | Trần Thị [illegible] | em | nữ | [illegible] | | | [illegible].07.88 | | |
| 10 | Hồ Đình Huy | cháu | Nam | 1988 | | | 28.07.88 | | [illegible] |
| 11 | Trần Đức Thuần | con | nam | 1965 | | | 26.10.89 | | [illegible] |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: ______
VEWL.#: ______
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: ______

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TRẦN (Last) ĐỨC (Middle) VÂN (First)

   Current Address: 222/14 Đoàn văn Bơ Phường 10 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh

   Date of Birth: 24-6-1937 Place of Birth: Thái Bình Quê quán Hải Phòng

   Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position): Thiếu tá - Tham mưu phó chiến tranh Chính trị Tiểu khu Kiến Phong

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 14-6-1975 To 5-11-1983

   Years: 8 Months: 4 Days: 20

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THANH DINH
   Name

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|---|---|
| | |
| | |
| | |
| | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 01/30/1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ____________________________
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| Nguyễn thị Thu Hường | 1946 | Vợ |
| Trần Kiều Trân | 1965 | Con gái |
| Trần thị Diễm | 1967 | Con gái |
| Trần - Khả - Tú | 1970 | Con gái |
| Trần - Thủy - Tiên | 1973 | Con gái |
| Trần - Văn - Bình | 1988 | Cháu |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

____________________________

____________________________

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-063

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH
***********

NAME (Ten Tu-nhan) : TRẦN ĐỨC VÂN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH (Nam, noi sinh) : 6 24 1937
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu):

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tai Viet-Nam) : 222/19 Đoàn văn Bơ - Phường 10 Quận 4
Thành phố Hồ - chí - Minh

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 14-6-1975 To (Den): 5-11-1983

PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP (Trai tu): Long Giao - Văn Hiệp - Yên Bái - Hoàng Liên Sơn - Ninh Quang - Xuân...

PROFESSION (Nghe nghiep): Hớt tóc

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Chuẩn Úy
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Tham mưu Phó Chiến tranh Chính trị tiểu khu Khánh Phong Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so):
No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 222/19 Đoàn văn Bơ Phường 10 Quận 4 Thành phố Hồ - chí - Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): NGUYEN THANH DINH

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): ✓

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND

NAME & SIGNATURE: NGUYEN THANH DINH
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
Dinhnguyen

DATE: 01 30 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ______________________
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| Nguyễn thị Thu Thủy | 1946 | vợ |
| Trần đức Trấn | 1965 | Con gái |
| Trần thị Diễm | 1967 | Con gái |
| Trần đức Tú | 1970 | Con gái |
| Trần Thuỷ Tiên | 1973 | Con gái |
| Trần văn Bình | 1988 | Cháu |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

______________________

______________________

ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại ~~Xuân Lộc~~
Số 903 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

| 0 | 0 | I | 6 | 7 | 7 | 0 | 0 | 2 | C | 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

SHSLD

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỆN
2547
Ngày 22 - 5 - 84

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 99/QĐ ngày 24 tháng 10 năm 1983

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh TRẦN ĐỨC VẤN Sinh năm 1937

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hải phòng

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

92C Đường bùi thị xuân. Quận I. TP/ HỒ CHÍ MINH

Can tội: Thiếu tá tham mưu phó chiến tranh chính trị

Bị bắt ngày 14/06/1975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 92C Đường bùi thị xuân. Quận I. TP/ HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 12 tháng II năm 1983

Lăn tay ngón trỏ phải
Của Trần đức Vấn
Danh bản số
Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Trần đức vấn

Ngày 05 tháng II năm 1983
Giám thị

Thượng tá: Trịnh văn Thích

XÁC NHẬN:

Đ/c võ trưởng đồn CA P12 QI

K/c. Đội QLNHTCT Quận I

c. TP Hồ Chí Minh nghiên cứu & giải quyết.

Ngày 08.11.198[illegible]

P. TRƯỞNG CÔNG AN P12 QI

[illegible signature]

## QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
## CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

Date 8-1-1990
Ngay

A.- BASIC IDENTIFICATION Data
Lylịch căn bản

I.- Name TRẦN ĐỨC VẬN
Họ, tên
2.- Other Name
Họ, tên khác
3.- Date, Place of birth : 24-6-1937 tại THÁI BÌNH, quê quán HẢI PHÒNG
Ngày/nơi sinh
4- Residence Address: 222/19 Đoàn văn Bơ, Phường 10 Quận 4 TP Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú
5.- Mailing Address : 222/19 Đoàn văn bơ, Phường 10 quận 4 TP Hồ Chí Minh
Địa chỉ thơ từ
6.- Current Occupationg : Hớt tóc

B.- Relatives to Accoompany Me
Bà con di cùng với tôi
( NOTE.: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to Accompany you. List marital status (MS) as follows: Married(M) Divorced(D) Widowed (W) or Single (S)
( Chú ý :- Vợ/chồng và con cái, có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình(M) Đã ly dị (d) Góa phụ/hóa thê (W) hoặc độc thân (S)

| NAME Họ tên | Date of Birth Ngày/thang/năm sinh | Place of Birth Nơi sinh | Sex Phai | MS Tình trạng Gia đình | Relationship Liên hệ gia đình |
|---|---|---|---|---|---|
| 1.-Nguyễn thị THU HƯƠNG | 1946 | Khánh Hòa | Nữ | | Vợ |
| 2.- TRẦN ĐỨC TUẤN | 1965 | Saigon | Nam | Độc thân | Con |
| 3.- TRẦN THỊ DIỄM | 1967 | Saigon | Nữ | Độc thân | con |
| 4.- TRẦN ĐỨC TÚ | 1970 | Phong Dinh | Nam | Độc thân | con |
| 5.- TRẦN THỦY TIÊN | L973 | Cần Thơ | Nữ | Độc thân | con |

( NOTE: For the persons linted above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates( if married), divorce decress(if divorced) spouse's death certificate(if widowed), identification cards (ifavailable) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in setion section I below )

C.- Relativies Outside Viet Nam
Họ hàng ở ngoại quốc
1,-Closest relative in the U.S
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ
a.- Name
Họ, tên
b.- relationship
Liên hệ gia đình
c.- Address
Địa chỉ
2.- Closest relative in Other Foreign countries
Bà con thân thuộc nhất ở nước khác
a.- Name : TRẦN ĐỨC HÂN
Họ tên

b.- Relationship: Em ruột
Liên hệ gia đình
c.- Address : 666 ONTARIO ST, 1014
TORONTO ONTARIO M4X1N1 CANADA

D.- Complete Family listing ( Livin /dead )
Danh sách toàn thể gia đình ( sống chết )

| | Name<br>Họ, tên | Address<br>Địa chỉ |
|---|---|---|
| 1.- Father<br>Cha | TRẦN ĐỨC BÁCH | Đã chết |
| 2.- Mother<br>Mẹ | PHẠM THỊ THU | Đã chết |
| 3.- Spouse<br>Vợ/chồng | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | 222/19 Đoàn văn Bơ Phường 10 Quận 4<br>Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4.- Former spouse ( if any )<br>Vợ/chồng trước ( nếu có ) | | |
| 5.- Children<br>Con cái: | (1) TRẦN ĐỨC TUẤN | 222/19 Đoàn văn bơ phường 10 Quận 4 |
| | (2) TRẦN THỊ DIỄM | - |
| | (3) TRẦN ĐỨC TÚ | - |
| | (4) TRẦN THỦY TIÊN | - |
| | (5) TRẦN VĂN BÌNH | - |
| 6.- Sibilings<br>Anh chị em | ( con TRẦN THỊ DIỄM ) | |
| | (1) TRẦN ĐỨC CHI | 80 Duy tân Vũng tàu |
| | (2) TRẦN ĐỨC NAM | 666 Ontario St#1014 Toronto Ontario<br>M4X1N1 CANADA |
| | (3) TRẦN THỊ PHI | 222/19 Đoàn văn bơ phường 10 Quận 4 |
| | (4) TRẦN ĐỨC HÙNG | 222/19 Đoàn văn Bơ phường 10 quận 4 |

E.- employment by U.S. Government Agencies or Other U.S Organizations of you or your spouses. Bạn hoặc Vợ/chồng đã làm việc cho Công sở của Chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

F.- Service with GVN or RVNAF by you or your spouse
Bạn hoặc vợ chồng đã công vụ với chính phủ Việt Nam
1.- Name of person serving
Tên họ người tham gia : TRẦN ĐỨC VÂN
2.- Dates From 20-7-1963 To 30-4-1975
Ngày tháng năm Từ Tới
3.- Last rank Thiếu tá
Cấp bậc cuối cùng
4.-Ministry/Office/Military Unit Bộ Chỉ Huy, Tiểu Khu KIẾN PHONG
Bộ/Sở/Đơn vị/Binh chủng Ngành Chiến tranh chính trị
5.-Nameof Supervisor/C.O Đại Tá NGUYỄN VĂN MINH
Họ tên người giám thị/sĩ quan chỉ huy
6.-Reason for leaving. Là sĩ quan QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA, tôi muốn sống
Lý do ra đi tự do theo ý muốn

H.- Re education of you or your Spouse
Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo
1-Name of Person in Reeducation TRẦN ĐỨC VÂN
Họ tên người đi học tập cải tạo
2.- Total time in Reeducation 8 years 4 months 20 days
Tổng thời gian học tập cải tạo Năm tháng ngày

Signature Date 8-4-1990
Ký tên Ngày

Trần-đức-Vân

ỦY BAN NHÂN DÂN

*Xã, Thị trấn*..........

*Thị xã, Quận*

*Thành phố, Tỉnh* HOSG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

# BẢN SAO

THỪA VI

# GIẤY KHAI SINH

Số 14180/HT
Quyển số Thủy

| | | | |
|---|---|---|---|
| Họ và tên | TRẦN ĐỨC VĂN | | Nam, nữ nam |
| Sinh ngày tháng, năm | Hai tư, tháng sáu, năm một chín ba bảy (24-6-1937) | | |
| Nơi sinh | Thái Bình | | |
| Khai về cha, mẹ | CHA | MẸ | |
| Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh) | TRẦN ĐỨC BẠCH | PHAN THỊ THI | |
| Dân tộc<br>Quốc tịch | // | // | |
| Nghề nghiệp<br>Nơi ĐKNK thường trú | | | |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai | Mẹ y | | |

*Đăng ký ngày* 22 *tháng* 08 *năm* 1957
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
*Ngày* 13 *tháng* 04 *năm* 1984

Ký tên đóng dấu
phó văn phòng

Phạm Kim Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn : ..................

Thị xã,Quận : 4

Thành phố, Tỉnh : ..........

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

# BẢN SAO

# CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Số 238

Quyển số ..........

| | VỢ | CHỒNG |
|---|---|---|
| HỌ VÀ TÊN<br>Bí danh | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | THÂN ĐỨC VẬN |
| Sinh ngày<br>tháng năm<br>hay tuổi | hai bốn, tháng chín năm<br>một chín bốn sáu<br>(24/09/1946) | hai bốn, tháng sáu, năm<br>một chín ba bảy<br>(24/06/1937) |
| Quê quán | Ninh Hòa-Khánh Hòa | Thái Bình |
| Nơi đăng ký<br>thường trú | 207 ĐỖ THÀNH NHÂN | 207 ĐỖ THÀNH NHÂN |
| Nghề nghiệp | nội trợ | quân nhân |
| Dân tộc<br>Quốc tịch | | |
| Số CMND<br>hoặc hộ chiếu | | |

*Đăng ký, ngày* 01 *tháng* 10 *năm* 1964

TM/UBND .................... Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phó Quận trưởng

NGUYỄN VĂN TÂM

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

*Ngày* 07 *tháng* 11 *năm* 1988

TM/UBND Quận 4 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

PHÓ VĂN PHÒNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TƯ-PHÁP
SỞ TƯ-PHÁP HUẾ
TÒA HÒA GIẢI QUẬN NINH HOA

TÒA SƠ THẨM KHÁNH-HÒA
TÒA HÒA GIẢI QUẬN NINH HOA

Việc số I7.958 /TMTP/NH/63

Ngày II.7.I963

# BIÊN BẢN THẾ VÌ: KHAI SINH

CỦA NGUYEN-THI-THU-HUỎNG

Năm một nghìn chín trăm sau muoi ba
ngày muoi mot tháng bay hồi IO giờ

Trước mặt chúng tôi LE NGHE
Quận-trưởng kiêm Thẩm-Phán Tòa Hòa Giải Quận NINH HOA ngồi tại Văn-phòng,
có Ông HUYNH TU ANH thư-ký kiêm Lục-sự giúp việc
có Ông NGUYEN THANH LAN, 5I tuổi, nghề-nghiệp tai xe
Chánh quán tại thon My-hiep, quan Ninh-hoa, tinh Khanh-hoa
thẻ kiểm-tra căn-cước số 090.003
cấp tại Ninh-hoa ngày 16.8.I962
ngụ tại thon Binh-thanh, quan Ninh-hoa, tinh Khanh-hoa
đến trình diện rằng hiện nay y không thể xin sao lục khai sinh của con
y được vì lẽ bản chánh bị thất lạc và sổ bộ đã bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến-tranh.

Miễn lệ Phí
~~nghị định ngày~~
27-11-1947

nên yêu cầu bản tòa bằng vào lời khai các nhân chứng sau đây, do y triệu đến, để lập cho y biên bản thay thế chứng thư hộ-tịch nói trên.

LIỀN ĐÓ CÓ ĐẾN TRÌNH-DIỆN:

1) PHAN THI BAY, 36 tuổi nghề-nghiệp buon ban
chánh quán tại thon My-hiep, quan Ninh-hoa, tinh Khanh-hoa
thẻ kiểm-tra căn-cước số 088.I59
cấp tại Ninh-hoa ngày 9.8.I962
ngụ tại thon Binh-thanh, quan Ninh-hoa, tinh Khanh-hoa

2) PHAN THI DO, 4I tuổi nghề-nghiệp buon ban
chánh quán tại thon My-hiep, quan Ninh-hoa, tinh Khanh-hoa
thẻ kiểm-tra căn-cước số 083.407
cấp tại Ninh-hoa ngày I3.8.I962
ngụ tại thon Binh-thanh, quan Ninh-hoa, tinh Khanh-hoa

3) NGUYEN THI TIEN, 73 tuổi nghề-nghiệp buon ban
chánh quán tại thon Binh-thanh, quan Ninh-hoa, tinh Khanh-hoa
thẻ kiểm-tra căn-cước số 085.5I9
cấp tại Ninh-hoa ngày II.8.I962
ngụ tại thon Binh-thanh, quan Ninh-hoa, tinh Khanh-hoa

Ba nhân-chứng nói trên, sau khi nghe đọc các khoản trên đây và điều 337 Hoàng-Việt Hình-Luật phạt tội nguy chứng về việc hộ (từ 3 tháng đến 1 năm tù hay phạt bạc từ 30$ đến 120$) đã tuyên thệ và chứng thật sở biết rằng:

NGUYÊN-THI-THU-HUỒNG, sinh ngày hai mươi bốn, tháng chín, năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu (24.9.1946) tại thôn Bình-Thành, quận Ninh-hòa, tỉnh Khánh-hòa.

Con ông NGUYÊN THÀNH LÂN(s) và bà PHAN THI NGAI(s).

Hai ông bà này đã chính thức lấy nhau.

Và duyên cớ mà đương-sự không thể xin sao lục chứng thư hộ-tịch được là vì bản chánh đã bị thất lạc và sổ bộ bị tiêu hủy trong thời kỳ chiến-tranh.

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo sự kiện trên và các điều 17, 48 Hoàng-Việt Hộ-Luật lập biên-bản này để thế vì **khai sinh** cho **NGUYÊN THI THU HUỒNG** để tùy nghi tiện-dụng, theo như đơn thỉnh cầu đã nạp tại Bản Tòa ngày II.7.1963

Sau khi đọc lại, đương-sự và các nhân chứng đã ký tên dưới đây với chúng tôi và Ông Lục-Sự.

*Làm tại* **Ninh-hòa**, *ngày, tháng, năm như trên.*

Thư-ký kiêm Lục-Sự, Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán

HUỲNH TU ANH LÊ [illegible]

Nhân - Chứng. Đương - Sự,

1/ PHAN THI BAY

2/ PHAN THI ĐO

3/ NGUYÊN THI TIEM

NGUYÊN THÀNH LÂN

*Duyệt tem và trước-bạ tại Nha-Trang*
ngày 22 tháng 7 năm 1963
Quyển - tờ - số -
Thu: Miễn Thuế
CHỦ SỰ,
(ký tên TA HUYNH và đóng dấu)

SAO Y CHÁNH BẢN
Ninh-hòa, ngày 1 tháng 8 năm 1964

HUỲNH TỬ ANH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường ..........

Huyện, Quận 4

Tỉnh, Thành phố ..........

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TPHCM

Số 4653

Quyển ..........

# GIẤY KHAI SINH

## (BẢN SAO)

Họ và tên ..... TRẦN ĐỨC TUẤN ..... Nam hay nữ nam

Ngày, tháng, năm sinh ..... hai hai, tháng mười, năm một chín sáu lăm

(22/10/1965)

Nơi sinh ..... 41 Lê Thạch

Dân tộc .......... Quốc tịch ..........

| Phần khai về cha, mẹ | NGƯỜI MẸ | NGƯỜI CHA |
|---|---|---|
| Họ và tên | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | TRẦN ĐỨC [illegible] |
| Tuổi | 19t | 28t |
| Dân tộc | | |
| Quốc tịch | | |
| Nghề nghiệp | nội trợ | quân nhân |
| Nơi thường trú | 207 Đề [illegible] | Thành [illegible] |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

BÙI THỊ THANH DUNG 20t

41 Lê Thạch

Đăng ký ngày 22 tháng 10 năm 1965

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 tháng 11 năm 198[illegible]

T/M U.B.N.D KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

PHÓ VĂN PHÒNG

Phan Văn Lượng

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường ..................

Huyện, Quận ...... QUẬN TƯ

Tỉnh, Thành phố ..................

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP/HT

Số 1881

Quyển ..........

# GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên ...... TRẦN THỊ DIỄM ...... Nam hay nữ NỮ

Ngày, tháng, năm sinh ...... ba mươi, tháng bốn, năm một chín sáu bảy

(30/04/1967)

Nơi sinh ...... B/s Khánh Hội

Dân tộc .................... Quốc tịch ....................

| Phần khai về cha, mẹ | NGƯỜI MẸ | NGƯỜI CHA |
|---|---|---|
| Họ và tên | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | TRẦN ĐỨC [illegible] |
| Tuổi | 21t | 30t |
| Dân tộc | | |
| Quốc tịch | | |
| Nghề nghiệp | nội trợ | quân nhân |
| Nơi thường trú | 207 Đỗ Thành Nhân | |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai:

..............................................................

..............................................................

Đăng ký ngày 02 tháng 05 năm 1967

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 tháng 11 năm 1988

T/M U.B.N.D KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

PHÓ VĂN PHÒNG

Phan Văn Lượm

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
*République du Việt-Nam*

Mẫu 149/DP 92/LS 23
khổ 21×27 S/30

# PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM Phong-Dinh

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE )

**BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH** Tân-An (Phong-Dinh)
*(Extrait du registre des actes de naissance)*

**(NAM PHẦN)**
*(Sud Việt-Nam)*

*NĂM* 1979 *(Année)* — *SỐ HIỆU* 7130 *(Acte No)*

| | |
|---|---|
| Tên, họ đứa con nít (*Nom et prénom de l'enfant*) | Trần-Đức-Tú |
| Nam, nữ (*Sexe de l'enfant*) | Nam |
| Sanh ngày nào (*Date de naissance*) | 28-12-1970 |
| Sanh tại chỗ nào (*Lieu de naissance*) | Tân-An |
| Tên, họ cha (*Nom et prénom du père*) | Trần-Đức-Văn |
| Cha làm nghề gì (*Sa profession*) | Quân nhân |
| Nhà cửa ở đâu (*Son domicile*) | Tân-An |
| Tên, họ mẹ (*Nom et prénom de la mère*) | Nguyễn-thị-Thu-Hương |
| Mẹ làm nghề gì (*Sa profession*) | Nội trợ |
| Nhà cửa ở đâu (*Son domicile*) | Tân-An |
| Vợ chánh hay thứ (*Son rang de femme mariée*) | Chánh |

Trích y bản chánh,
*(Pour extrait conforme)*

Cantho, ngày 7-12-1973
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Lê-quang-Tốt

Giá tiền : 15$00
*(Coût)*
Biện-lai số : 16557
*(Quittance No)*

Cấp cho Trần-Đức-Văn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THỊ-XÃ CẦN-THƠ
Quận : Nhut
Phường : An-Lac
Số hiệu : 1.999

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 27 tháng 7 năm 19 73

| | |
|---|---|
| Tên họ đứa trẻ | TRAN - THUY - TIEN |
| Con trai hay con gái | Nu |
| Ngày sanh | Hai muoi mot, thang bay, nam 1973 (21-7-73) |
| Nơi sanh | Phuong An-Lac, Thi-Xa Can-Tho |
| Tên họ người cha | TRAN-ĐUC-VAN |
| Tên họ người mẹ | NGUYEN-THI-THU-HUONG |
| Vợ chánh hay không có hôn thú | Vo chanh HT. so 238 tai Quan 4 Saigon 1964 |
| Tên họ người đứng khai | TRAN-ĐUC-VAN |

MIỄN THỊ-THỰC
(TU. THÔNG-TƯ BỘ NỘI-VỤ
Số 4366/BNV/HC/24
Ngày 3-8-1970)

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH
Phuong An-Lac ngày 17 tháng 11 năm 19 73
Viên-Chức Hộ-Tịch,

PHƯỜNG AN-LAC

TRAN-VAN-NGOC.

PHOTOES OF APPLICANTS

TRAN DUC VAN

NGUYEN T. THU HUONG

TRAN DUC TUAN

TRAN THI DIEM

TRAN DUC TU

TRAN THUY TIEN

CONTROL

3/3

____ Card
____ Doc.Request;Form
____ Release Order
____ Computer
X Form "D"
____ ODP/Date ________
X Membership;Letter